

Số: 310./CTN

Cần Thơ, ngày 08 tháng 7 năm 2025

V/v thực hiện công bố hợp quy
nước sạch theo quy định của
pháp luật.

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 về ban hành
quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử
dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ QCVN01-1:2024/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước
sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 quy định về
công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu
chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 sửa đổi,
bổ sung một số điều của thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012;

Theo điểm b, khoản 7 Điều 6 của Thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024,
các đơn vị cung cấp nước có trách nhiệm thực hiện công bố hợp quy theo quy định
tại Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy
định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp
với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày
31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày
12/12/2012.

Để đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về công tác quản lý chất
lượng nước sạch, nay Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ xin gửi hồ sơ công
bố hợp quy theo quy định đến Sở Y tế thành phố Cần Thơ để công bố hợp quy dựa
trên kết quả tự đánh giá của Công ty.

Hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:

- + Bản công bố hợp quy;
- + Báo cáo tự đánh giá hợp quy;
- + Kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch của 03 Nhà máy nước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC.



TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0299) 389 1711 - 381 0188

ctncantho@gmail.com

www.ctn-cantho.com.vn



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 311 /BC-CTN

Cần Thơ, ngày 08 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO
Về việc đánh giá hợp quy

Căn cứ Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ tiến hành đánh giá hợp quy các địa điểm sản xuất nước sạch sinh hoạt như sau:

1. Ngày đánh giá: **01/7/2025.**

2. Địa điểm đánh giá: **Gồm 03 nhà máy nước.**

- Nhà máy nước Cần Thơ 1: Số 298 đường 30/4, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Nhà máy nước Hưng Phú: Khu vực Thạnh Hòa, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ.

- Nhà máy nước Bông Vang: Số 17, ấp Mỹ Phước, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

3. Tên sản phẩm: **Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.**

4. Số hiệu tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

- Quy chuẩn kỹ thuật **QCVN 01-1:2024/BYT.**

- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý: **ISO17025:2017 và các quy định khác.**

5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm: **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng Cần Thơ.**

6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:

- Mẫu nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt có kết quả thử nghiệm chất lượng nước đạt 91 thông số quy định tại QCVN01-1:2024/BYT. (Đính kèm kết quả thử nghiệm năm 2025).

- Hiệu lực: Có giá trị **03** năm, kể từ ngày **01/7/2025**.

7. Các nội dung khác (nếu có): *Không*

8. Kết luận: Sản phẩm phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (*QCVN 01-1:2024/BYT*)./.

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ



Phạm Hữu Việt



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tùng Nguyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 01/HQ-CN.2025

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**
- Địa chỉ: Số 2A, Nguyễn Trãi, P. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại: (0292) 3 810 188 Fax: (0292) 3 810 188
- Website: www.ctn-cantho.com.vn Email: ctncanthono@gmail.com

CÔNG BỐ:

- Sản phẩm: **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
- Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và có giá trị **03** năm, kể từ ngày **01/7/2025**.

- Phương thức đánh giá: Phương thức 1 - thử nghiệm mẫu điển hình theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 5 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Cần Thơ, ngày 01 tháng 7 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tùng Nguyễn



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CAN THO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2180306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 1/5

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước sạch đầu nguồn (Nhà máy nước Cần Thơ 1)
Vị trí: Nhà máy nước Cần Thơ 1 - Số 298, đường 30/4, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (Khoảng 02 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 03/06/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 03/06/2025 đến 15/06/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Số 2A, đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Staphylococcus aureus (iso)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	0
2	Pseudomonas aeruginosa (iso)	CFU/100mL	ISO 16266:2006	0
3	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ tính theo N) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2023	KPH (MDL = 0,1)
4	Hàm lượng Antimon (Sb) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,4)
5	Hàm lượng Bari (Ba) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
6	Hàm lượng Bo (B) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,04)
7	Hàm lượng Cadimi (Cd) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0005)
8	Hàm lượng Chì (Pb) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,001)

Ghi chú: - (iso): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/5-5/5.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2180306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 2/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Chỉ số Permanganat ^(iso)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,67)
10	Hàm lượng Clorua ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	48,21
11	Hàm lượng Crom tổng (Cr) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0033)
12	Hàm lượng Đồng (Cu) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
13	Độ cứng ^(iso)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	112,00
14	Hàm lượng Florua (F ⁻) ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)
15	Hàm lượng Kẽm (Zn) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
16	Hàm lượng Mangan (Mn) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
17	Hàm lượng Natri (Na) ^(iso)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	17,19
18	Hàm lượng Nhôm (Al) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
19	Hàm lượng Niken (Ni) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)
20	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B:2023	1,46
21	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B:2023	KPH (MDL = 0,003)
22	Hàm lượng Sắt (Fe) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,017)
23	Hàm lượng Selen (Se) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,002)
24	Hàm lượng Sulfat (SO ₄ ²⁻) ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	14,00
25	Hàm lượng Sunfua ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
26	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)
27	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS) ^(iso)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	205
28	Hàm lượng Cianua (CN ⁻) ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-CN-C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)
29	Hàm lượng 1,1,1 - Tricloroetan ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
30	Hàm lượng 1,2 - Dicloroetan ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
31	Hàm lượng 1,2 - Dicloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	1,0
32	Hàm lượng Cacbonetraclorua ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
33	Hàm lượng Diclorometan ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 Đường 3/2, TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2180306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 3/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
34	Hàm lượng Tetrachloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
35	Hàm lượng Trichloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
36	Hàm lượng Vinyl clorua ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
37	Hàm lượng Benzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	0,5
38	Hàm lượng Etylbenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
39	Hàm lượng Phenol và dẫn xuất của Phenol ^(iso)	µg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL = 0,3)
40	Hàm lượng Styren ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
41	Hàm lượng Toluen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
42	Hàm lượng Xylen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
43	Hàm lượng 1,2 - Diclorobenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
44	Hàm lượng Monoclorobenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
45	Hàm lượng Trichlorobenzen	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
46	Hàm lượng Acrylamide	µg/L	HD 15-SK-1.20.9 (US EPA Method 8260D:2018)	KPH (MDL = 100)
47	Hàm lượng Epichlorhydrin ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
48	Hàm lượng Hexachloro butadien ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
49	Hàm lượng 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
50	Hàm lượng 1,2 - Dicloropropan ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
51	Hàm lượng 1,3 - Dichloropropen ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
52	Hàm lượng 2,4 - D ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
53	Hàm lượng 2,4 - DB ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
54	Hàm lượng Alachlor ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
55	Hàm lượng Aldicarb ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
56	Hàm lượng Atrazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
57	Hàm lượng Carbofuran ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
58	Hàm lượng Chlorpyrifos ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.2	KPH (MDL = 0,02)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CAN THO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2180306/MT/220306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 4/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
59	Hàm lượng Clodane (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
60	Hàm lượng Clorotoluron (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
61	Hàm lượng Cyanazine (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
62	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
63	Hàm lượng Dichloprop (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
64	Hàm lượng Fenoprop (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
65	Hàm lượng Hydroxyatrazine (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
66	Hàm lượng Isoproturon (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
67	Hàm lượng MCPA (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
68	Hàm lượng Mecoprop (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,012)
69	Hàm lượng Methoxychlor (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
70	Hàm lượng Molinate (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
71	Hàm lượng Pendimetalin (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
72	Hàm lượng Permethrin (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-1	KPH (MDL = 0,2)
73	Hàm lượng Propanil (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
74	Hàm lượng Simazine (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
75	Hàm lượng Trifuralin (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
76	Hàm lượng 2,4,6 - Trichlorophenol (iso)	µg/L	US EPA Method 8270D:2018	KPH (MDL = 0,02)
77	Hàm lượng Bromat (iso)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (MDL = 2)
78	Hàm lượng Bromodichloromethane (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	11,0
79	Hàm lượng Bromoform (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	0,9
80	Hàm lượng Chloroform (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	17,3
81	Hàm lượng Dibromoacetonitrile (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 1,0)
82	Hàm lượng Dibromochloromethane (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	6,1
83	Hàm lượng Dichloroacetonitrile (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 1,0)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng

Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CAN Tho TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2180306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 5/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
84	Hàm lượng Dichloroacetic acid (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
85	Hàm lượng Formaldehyde (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.7	KPH (MDL = 100)
86	Hàm lượng Monochloramine (iso)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH (MDL = 0,03)
87	Hàm lượng Monochloroacetic acid (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
88	Hàm lượng Trichloroacetic acid (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
89	Hàm lượng Trichloroacetonitrile (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 0,2)
90	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (α) (iso)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,024)
91	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (β) (iso)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,027)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2210306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 1/5

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước sạch đầu nguồn (Nhà máy nước Hưng Phú)
Vị trí: Nhà máy nước Hưng Phú - Khu vực Thạnh Hòa, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (Khoảng 02 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 03/06/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 03/06/2025 đến 15/06/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Số 2A, đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Staphylococcus aureus (iso)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	0
2	Pseudomonas aeruginosa (iso)	CFU/100mL	ISO 16266:2006	0
3	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ tính theo N) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2023	KPH (MDL = 0,1)
4	Hàm lượng Antimon (Sb) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,4)
5	Hàm lượng Bari (Ba) (iso)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
6	Hàm lượng Bo (B) (iso)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,04)
7	Hàm lượng Cadimi (Cd) (iso)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0005)
8	Hàm lượng Chì (Pb) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,001)

Ghi chú: - (iso): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/5÷5/5.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

KY, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
 Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2210306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
 Trang: 2/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Chỉ số Permanganat ^(ISO)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,67)
10	Hàm lượng Clorua ^(ISO)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	42,54
11	Hàm lượng Crom tổng (Cr) ^(ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0033)
12	Hàm lượng Đồng (Cu) ^(ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
13	Độ cứng ^(ISO)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	96,00
14	Hàm lượng Florua (F ⁻) ^(ISO)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)
15	Hàm lượng Kẽm (Zn) ^(ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
16	Hàm lượng Mangan (Mn) ^(ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
17	Hàm lượng Natri (Na) ^(ISO)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	13,49
18	Hàm lượng Nhôm (Al) ^(ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
19	Hàm lượng Niken (Ni) ^(ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)
20	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) ^(ISO)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B:2023	1,09
21	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) ^(ISO)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B:2023	KPH (MDL = 0,003)
22	Hàm lượng Sắt (Fe) ^(ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,017)
23	Hàm lượng Selen (Se) ^(ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,002)
24	Hàm lượng Sulfat (SO ₄ ²⁻) ^(ISO)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	6,63
25	Hàm lượng Sunfua ^(ISO)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
26	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) ^(ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)
27	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS) ^(ISO)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	186
28	Hàm lượng Cianua (CN ⁻) ^(ISO)	mg/L	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)
29	Hàm lượng 1,1,1 - Tricloroetan ^(ISO)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
30	Hàm lượng 1,2 - Dicloroetan ^(ISO)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
31	Hàm lượng 1,2 - Dicloroeten ^(ISO)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
32	Hàm lượng Cacbonetetraclorea ^(ISO)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
33	Hàm lượng Diclorometan ^(ISO)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2210306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 3/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
34	Hàm lượng Tetrachloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
35	Hàm lượng Trichloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
36	Hàm lượng Vinyl clorua ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
37	Hàm lượng Benzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
38	Hàm lượng Etylbenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
39	Hàm lượng Phenol và dẫn xuất của Phenol ^(iso)	µg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL = 0,3)
40	Hàm lượng Styren ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
41	Hàm lượng Toluen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
42	Hàm lượng Xylen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
43	Hàm lượng 1,2 - Dichlorobenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
44	Hàm lượng Monoclorobenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
45	Hàm lượng Trichlorobenzen	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
46	Hàm lượng Acrylamide	µg/L	HD 15-SK-1.20.9 (US EPA Method 8260D:2018)	KPH (MDL = 100)
47	Hàm lượng Epichlorhydrin ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
48	Hàm lượng Hexachloro butadien ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
49	Hàm lượng 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
50	Hàm lượng 1,2 - Dichloropropan ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
51	Hàm lượng 1,3 - Dichloropropen ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
52	Hàm lượng 2,4 - D ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
53	Hàm lượng 2,4 - DB ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
54	Hàm lượng Alachlor ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
55	Hàm lượng Aldicarb ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
56	Hàm lượng Atrazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
57	Hàm lượng Carbofuran ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
58	Hàm lượng Chlorpyrifos ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.2	KPH (MDL = 0,02)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
 Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2210306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
 Trang: 4/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
59	Hàm lượng Clodane (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
60	Hàm lượng Clorotoluron (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
61	Hàm lượng Cyanazine (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
62	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
63	Hàm lượng Dichloprop (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
64	Hàm lượng Fenoprop (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
65	Hàm lượng Hydroxyatrazine (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
66	Hàm lượng Isoproturon (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
67	Hàm lượng MCPA (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
68	Hàm lượng Mecoprop (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,012)
69	Hàm lượng Methoxychlor (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
70	Hàm lượng Molinate (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
71	Hàm lượng Pendimetalin (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
72	Hàm lượng Permethrin (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-1	KPH (MDL = 0,2)
73	Hàm lượng Propanil (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
74	Hàm lượng Simazine (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
75	Hàm lượng Trifuralin (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
76	Hàm lượng 2,4,6 - Triclorophenol (iso)	µg/L	US EPA Method 8270D:2018	KPH (MDL = 0,02)
77	Hàm lượng Bromat (iso)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (MDL = 2)
78	Hàm lượng Bromodichloromethane (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	9,2
79	Hàm lượng Bromoform (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	1,5
80	Hàm lượng Chloroform (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	12,2
81	Hàm lượng Dibromoacetonitrile (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 1,0)
82	Hàm lượng Dibromochloromethane (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	7,7
83	Hàm lượng Dichloroacetonitrile (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 1,0)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
 This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CAN Tho TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2210306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 5/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
84	Hàm lượng Dichloroacetic acid (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
85	Hàm lượng Formaldehyde (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.7	KPH (MDL = 100)
86	Hàm lượng Monochloramine (iso)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH (MDL = 0,03)
87	Hàm lượng Monochloroacetic acid (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
88	Hàm lượng Trichloroacetic acid (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
89	Hàm lượng Trichloroacetonitrile (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 0,2)
90	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (α) (iso)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,024)
91	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (β) (iso)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,027)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2240306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 1/5

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước sạch đầu nguồn (Nhà máy nước Bông Vang)
Vị trí: Nhà máy nước Bông Vang - Số 17, ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (Khoảng 02 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 03/06/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 03/06/2025 đến 15/06/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Số 2A, đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Staphylococcus aureus (ISO)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	0
2	Pseudomonas aeruginosa (ISO)	CFU/100mL	ISO 16266:2006	0
3	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ tính theo N) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2023	KPH (MDL = 0,1)
4	Hàm lượng Antimon (Sb) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,4)
5	Hàm lượng Bari (Ba) (ISO)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
6	Hàm lượng Bo (B) (ISO)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,04)
7	Hàm lượng Cadimi (Cd) (ISO)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0005)
8	Hàm lượng Chì (Pb) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,001)

Ghi chú: - (ISO): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/5÷5/5.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÒA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2240306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 2/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Chỉ số Permanganat (ISO)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,67)
10	Hàm lượng Clorua (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	49,63
11	Hàm lượng Crom tổng (Cr) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0033)
12	Hàm lượng Đồng (Cu) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
13	Độ cứng (ISO)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	104,00
14	Hàm lượng Florua (F ⁻) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)
15	Hàm lượng Kẽm (Zn) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
16	Hàm lượng Mangan (Mn) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
17	Hàm lượng Natri (Na) (ISO)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	18,46
18	Hàm lượng Nhôm (Al) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
19	Hàm lượng Niken (Ni) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)
20	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .B:2023	1,17
21	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023	KPH (MDL = 0,003)
22	Hàm lượng Sắt (Fe) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,017)
23	Hàm lượng Selen (Se) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,002)
24	Hàm lượng Sulfat (SO ₄ ²⁻) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	15,35
25	Hàm lượng Sunfua (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
26	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)
27	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS) (ISO)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	209
28	Hàm lượng Cianua (CN ⁻) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)
29	Hàm lượng 1,1,1 - Tricloroetan (ISO)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
30	Hàm lượng 1,2 - Dicloroetan (ISO)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
31	Hàm lượng 1,2 - Dicloroeten (ISO)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
32	Hàm lượng Cacbonetetraclorua (ISO)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
33	Hàm lượng Diclorometan (ISO)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
 Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2240306/MT/320306/23

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
 Trang: 3/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
34	Hàm lượng Tetrachloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
35	Hàm lượng Trichloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
36	Hàm lượng Vinyl clorua ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
37	Hàm lượng Benzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
38	Hàm lượng Etylbenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
39	Hàm lượng Phenol và dẫn xuất của Phenol ^(iso)	µg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL = 0,3)
40	Hàm lượng Styren ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
41	Hàm lượng Toluene ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
42	Hàm lượng Xylen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
43	Hàm lượng 1,2 - Diclorobenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
44	Hàm lượng Monoclorobenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
45	Hàm lượng Triclorobenzen	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
46	Hàm lượng Acrylamide	µg/L	HD 15-SK-1.20.9 (US EPA Method 8260D:2018)	KPH (MDL = 100)
47	Hàm lượng Epichlorhydrin ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
48	Hàm lượng Hexachloro butadien ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
49	Hàm lượng 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
50	Hàm lượng 1,2 - Dicloropropan ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
51	Hàm lượng 1,3 - Dichloropropen ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
52	Hàm lượng 2,4 - D ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
53	Hàm lượng 2,4 - DB ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
54	Hàm lượng Alachlor ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
55	Hàm lượng Aldicarb ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
56	Hàm lượng Atrazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
57	Hàm lượng Carbofuran ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
58	Hàm lượng Chlorpyrifos ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.2	KPH (MDL = 0,02)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
 Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2240306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
 Trang: 4/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
59	Hàm lượng Clodane (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
60	Hàm lượng Clorotoluron (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
61	Hàm lượng Cyanazine (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
62	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
63	Hàm lượng Dichloprop (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
64	Hàm lượng Fenoprop (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
65	Hàm lượng Hydroxyatrazine (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
66	Hàm lượng Isoproturon (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
67	Hàm lượng MCPA (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
68	Hàm lượng Mecoprop (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,012)
69	Hàm lượng Methoxychlor (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
70	Hàm lượng Molinate (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
71	Hàm lượng Pendimetalin (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
72	Hàm lượng Permethrin (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-1	KPH (MDL = 0,2)
73	Hàm lượng Propanil (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
74	Hàm lượng Simazine (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
75	Hàm lượng Trifuralin (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
76	Hàm lượng 2,4,6 - Triclorophenol (iso)	µg/L	US EPA Method 8270D:2018	KPH (MDL = 0,02)
77	Hàm lượng Bromat (iso)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (MDL = 2)
78	Hàm lượng Bromodichloromethane (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	8,2
79	Hàm lượng Bromoform (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
80	Hàm lượng Chloroform (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	18,9
81	Hàm lượng Dibromoacetonitrile (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 1,0)
82	Hàm lượng Dibromochloromethane (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	3,3
83	Hàm lượng Dichloroacetonitrile (iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 1,0)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
 This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2240306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 5/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
84	Hàm lượng Dichloroacetic acid ^(ISO)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
85	Hàm lượng Formaldehyde ^(ISO)	µg/L	HD 15-SK-1.20.7	KPH (MDL = 100)
86	Hàm lượng Monochloramine ^(ISO)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH (MDL = 0,03)
87	Hàm lượng Monochloroacetic acid ^(ISO)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
88	Hàm lượng Trichloroacetic acid ^(ISO)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
89	Hàm lượng Trichloroacetonitrile ^(ISO)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 0,2)
90	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (α) ^(ISO)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,024)
91	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (β) ^(ISO)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,027)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.